

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số:338/20223HSST

Ngày 16-11-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Vĩ

Các Hội thẩm nhân dân: 1.Nguyễn Tiến Dũng

2.Bà Trần Thị Liên

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quỳnh – Là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Thẩm- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 321/2023/TLST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 250/2023/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 10 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 62/HSST ngày 01/11/2023 đối với bị cáo:

Phan Thị L;Giới tính: Nữ;Tên gọi khác: Không;Sinh ngày: 12/6/1970; Tại: Hà Tĩnh;Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: 242 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh;Tôn giáo: Không;Nghề nghiệp: Kinh doanh;Trình độ học vấn: 12/12;Tiền án, tiền sự: Không;Con ông: Phan Văn C (đã chết); Con bà: Hà Thị B, sinh năm: 1936, trú tại: Xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Gia Đ bị cáo có 06 chị, em, bị cáo là con nhỏ nhất trong gia Đ.

Bị cáo có chồng là: Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1959 (Đã ly hôn) và 02 con, lớn nhất sinh năm: 1991, nhỏ nhất sinh năm: 1994. Hiện sinh sống và làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 18/01/2023, bị khởi tố về hành vi Trốn Thuế và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.

Bị cáo là Đảng viên (Hiện đã bị Đ chỉ sinh hoạt đảng)

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

-Ông Trần Đ-sinh năm: 1954(Vắng mặt)

Địa chỉ: xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

-Công ty TNHH xây dựng cầu đường C

Đại diện theo pháp luật- Bà Nguyễn Thị V- sinh năm:1964(Vắng mặt)

Địa chỉ: 20 B, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Thị L, sinh năm 1970, thường trú tại 242 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, làm Giám đốc (là người đại diện theo pháp luật) của Công ty TNHH Toàn Thắng Đ Đ(viết tắt là Công ty Toàn Thắng Đ Đ) (được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký lần đầu ngày 09/3/2011, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 31/3/2023, mã số thuế 6001143403; Địa chỉ trụ sở kinh doanh: 242 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Ngành nghề kinh doanh là thi công công trình xây dựng và buôn bán vật liệu xây dựng). Thành viên góp vốn: Ông Trần Đ, sinh năm 1954, thường trú tại: xã H, thành phố B, là thành viên góp vốn của công ty.

Quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, vào tháng 3/2019, do cần hóa đơn để kê khai thuế GTGT đầu vào quý I/2019 nên Phan Thị L đã chỉ đạo kế toán của Công ty Toàn Thắng Đ tên là L(là người được thuê làm theo kỳ báo cáo, không ký hợp đồng lao động, không rõ nhân thân, lai lịch) sử dụng hóa đơn GTGT số 0000028 ngày 31/3/2019, ký hiệu AA/18E, mã số bí mật MV775QT3QJ, “tên hàng hóa, dịch vụ” ghi trên hóa đơn là “Cát xây, Đá 1*2, Đá xô bồ, Xi măng” với tổng giá trị thanh toán 3.013.780.000 đồng (trong đó tiền hàng là 2.739.800.000 đồng, tiền thuế GTGT là 273.980.000 đồng) của Công ty TNHH Xây dựng Cầu đường C (viết tắt là Công ty C), mã số thuế 6001624001, trụ sở kinh doanh: 20 Buôn K, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (đến ngày 22/10/2019 chuyển địa chỉ trụ sở chính về thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang) do bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1964, thường trú tại 128/66 G, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk làm Giám đốc (không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo) để kê khai khấu trừ thuế Giá trị gia tăng và kê khai vào chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty Toàn Thắng Đ quý I/2019. Đến tháng 12/2020, Đoàn thanh tra của Cục thuế tỉnh Đắk Lắk, tiến hành thanh tra tại Công ty Toàn Thắng Đ và ban hành kết luận số 5391/KLTT-CT ngày 31/12/2020 kèm phụ lục

biên bản thanh tra thuế ngày 22/7/2021, kết luận hóa đơn GTGT số 0000028 ngày 31/3/2019, ký hiệu AA/18E, mã số bí mật MV775QT3QJ được Công ty Toàn Thắng Đ sử dụng kê khai trong quý I/2019 không tồn tại trên hệ thống. Căn cứ quy định tại Điều 22 Thông tư 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài Chính, nhận thấy Công ty Toàn Thắng Đ có hành vi sử dụng hóa đơn giả, bất hợp pháp, để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế là giảm số tiền thuế phải nộp là hành vi trốn thuế. Do đó, Cục Thuế tỉnh Đắk Lắk chuyển hồ sơ kèm các tài liệu có Lquan đến Cơ quan điều tra để xử lý theo quy định của pháp luật.

Kết quả điều tra xác định: Công ty C đã xuất hóa đơn GTGT số 0000028, ký hiệu AA/18E, mã số bí mật HV23BCTIDT vào ngày 21/11/2019 (trùng với số hóa đơn, ký hiệu mà Công ty Toàn Thắng Đ đã sử dụng để kê khai, quyết toán thuế quý I/2019) cho Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Krông Năng, nội dung: Xuất công trình nạo vét, sửa chữa kênh công trình Thanh Giang, xã Ea Dah, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk theo Hợp đồng số 16/HĐ-PNN ngày 28/8/2019 phân chi phí thi công xây dựng công trình và phân chi hạng mục chung với tổng số tiền là 556.110.000 đồng. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Krông Năng làm hồ sơ thanh toán, chuyển số tiền 556.110.000 đồng vào tài khoản số 63610000186171 tại Ngân hàng BIDV- CN Buôn Mê của Công ty Cầu đường C.

Tại Cơ quan điều tra, Phan Thị L khai báo: Vào tháng 01/2019, Công ty Toàn Thắng Đ ký hợp đồng kinh tế số 11/HĐKT-2019 “v/v giao khoán thi công công trình” ngày 03/01/2019, nội dung giao khoán thi công công trình Nhà máy điện Long Thành 1, tiểu khu 152, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk với Công ty C. Do Công ty Toàn Thắng Đ cần hóa đơn GTGT để kê khai thuế GTGT đầu vào quý I/2019 nên Phan Thị L liên hệ với bà V - Giám đốc Công ty C để nhờ xuất trước hóa đơn GTGT theo hợp đồng kinh tế số 11/HĐKT-2019 và bà V đã đồng ý xuất hóa đơn GTGT số 0000028 ngày 31/3/2019, ký hiệu AA/18E, mã số bí mật MV775QT3QJ. Tuy nhiên, sau đó vì lý do hàng hóa của Công ty C không đảm bảo chất lượng nên Công ty Toàn Thắng Đ không đồng ý mua số hàng hóa theo như hóa đơn GTGT số 0000028 ngày 31/3/2019, ký hiệu AA/18E, mã số bí mật MV775QT3QJ. Do sơ suất nên quá trình kinh doanh, L không kê khai điều chỉnh giảm đối với hóa đơn GTGT trên. Đến tháng 12/2020, bị Đoàn thanh tra của Cục thuế tỉnh Đắk Lắk tiến hành thanh tra, phát hiện. Tuy nhiên, Phan Thị L không cung cấp được bản gốc hóa đơn GTGT số 0000028 ngày 31/3/2019, ký hiệu AA/18E, mã số bí mật MV775QT3QJ của Công ty C đã xuất cho Công ty Toàn Thắng Đ để chứng minh giao dịch mua bán nêu trên là có thật theo lời khai của bị can.

Ngày 07/7/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk ra Quyết định trưng cầu giám định 177/QĐ-KT trưng cầu Sở Tài chính tỉnh Đắk Lắk, tiến hành

giám định thiệt hại về thuế đối với hành vi sử dụng hóa đơn bất hợp pháp để kê khai khấu trừ thuế đầu vào xảy ra tại Công ty TNHH Toàn Thắng Đ Đắk Lắk.

Bản kết luận giám định số 3044/STC-KLGD ngày 04/10/2022 của Sở Tài chính tỉnh Đắk Lắk kết luận: Hóa đơn GTGT số 0000028, lập ngày 31/3/2019, mẫu số 01GTKT0/001, ký hiệu AA/18E, mã số bí mật MV775QT3QJ mà Công ty TNHH Toàn Thắng Đ sử dụng kê khai khấu trừ thuế là hóa đơn giả, không hợp pháp; Tuy nhiên, do không đủ tài liệu chứng từ kế toán nên Sở Tài chính tỉnh Đắk Lắk không đủ cơ sở kết luận giám định về thuế.

Ngày 10/10/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk ra Quyết định trưng cầu giám định 221/QĐ-CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh Đắk Lắk tiến hành giám định thiệt hại về thuế đối với hành vi sử dụng hóa đơn bất hợp pháp để kê khai khấu trừ thuế đầu vào xảy ra tại Công ty TNHH Toàn Thắng Đ Đắk Lắk.

Bản kết luận giám định số 4639/KLGD-CT của Cục Thuế tỉnh Đắk Lắk ngày 23/11/2022, kết luận: Việc Công ty TNHH Toàn Thắng Đ sử dụng tờ Hóa đơn GTGT số 0000028, lập ngày 31/3/2019, mẫu số 01GTKT0/001, ký hiệu AA/18E, mã số bí mật MV775QT3QJ kê khai khấu trừ thuế là hành vi sử dụng hóa đơn không hợp pháp; Việc Công ty TNHH Toàn Thắng Đ đã sử dụng tờ Hóa đơn GTGT không hợp pháp trên để hạch toán hàng hóa mua vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm giảm số tiền thuế phải nộp là hành vi trốn thuế theo quy định tại Điều 108 Luật Quản lý Thuế số 78/2006/QH14 ngày 29/11/2006.

Số tiền trốn thuế cụ thể như sau: Thuế GTGT 273.980.000 đồng; Thuế TNDN 547.960.000 đồng. Tổng cộng 821.940.000 đồng

Tại bản cáo trạng số:316/CT-VKSTPBMT ngày 23/9/2023 Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột đã truy tố Phan Thị L về tội “ Trốn thuế” theo quy định tại khoản 2 Điều 200 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột đã phân tích, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phan Thị L phạm tội “ Trốn thuế”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 200, Điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự; Xử phạt: Bị cáo Phan Thị L từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ là 04 năm đến 05 năm.

*Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 4 Điều 200 Bộ luật hình sự: Phạt bị cáo Phan Thị L số tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng sung công quỹ nhà nước.

*Các biện pháp tư pháp:Căn cứ Điều 46 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm c Khoản 2 và Điểm a Khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự Điều 585, Điều 591 Bộ luật dân sự.

Đối với 03 hóa đơn GTGT số 0000020, 0000022, 0000023 ngày 25/3/2019 do Công ty C xuất: Bà V thừa nhận không có giao dịch mua bán hàng hóa kèm theo 03 hóa đơn GTGT trên. Tuy nhiên, bị cáo L xác định Công ty Toàn Thắng Đ có giao khoán cho Công ty C thực hiện cung ứng hàng hóa thi công công trình Nhà máy điện Long Thành 1, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk. Sau đó, Công ty Toàn Thắng Đ giao số hàng hóa thể hiện trên 03 hóa đơn GTGT trên cho Công ty xây lắp điện số Năm và Công ty Hoàng Phúc Sài Gòn đối với Công trình Long Thành 1 nhưng không cung cấp được các chứng từ tài liệu chứng minh việc thực tế có phát sinh giao dịch mua bán hàng hóa theo lời khai trên. Ngoài lời khai thừa nhận của bà V thì không có bất cứ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc bà V bán 03 hóa đơn GTGT trên cho bị can Phan Thị L. Do đó, chưa đủ cơ sở xác định 03 hóa đơn GTGT trên là hóa đơn không hợp pháp, vì thế không có căn cứ xử lý hành vi mua bán hóa đơn GTGT của bị can L nhằm mục đích trốn thuế, cũng như xử lý bà V về hành vi mua bán trái phép hóa đơn GTGT, nên Cơ quan điều tra tách ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau. Ngoài ra, căn cứ theo Khoản 10, Điều 1, Thông tư số 26/2015/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Điều 15 của Thông tư 219/2013/TT-BTC, Bộ Tài Chính thì doanh nghiệp chỉ được khấu trừ thuế GTGT đầu vào khi các hóa đơn có giá trị 20 triệu trở lên có chứng từ thanh toán không sử dụng tiền mặt, tức là phải được chuyển khoản qua ngân hàng. Tuy nhiên, Công ty Toàn Thắng Đ chưa thanh toán số tiền ghi trên 03 hóa đơn GTGT nêu trên cho Công ty Cầu đường C và cũng không có tài liệu, chứng từ thanh toán không sử dụng tiền mặt theo quy định. Do đó, Cơ quan điều tra đã có Công văn trao đổi để Chi cục Thuế thành phố Buôn Ma Thuột biết, xử lý theo thẩm quyền.

Đối với ông Trần Đ, sinh năm 1954, thường trú tại: xã H, thành phố B, là thành viên góp vốn của Công ty Toàn Thắng Đ, quá trình thực hiện hành vi trốn Thuế, Phan Thị L không bàn bạc, thống nhất với ông Đ, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý trách nhiệm đối với ông Trần Đ là đúng quy định về điều kiện chịu trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại tại Điều 75 Bộ luật hình sự.

Đối với hành vi của bà Nguyễn Thị V: Bà V thừa nhận có hành vi bán 04 hóa đơn GTGT trên và lập, soạn thảo, ký khống các tài liệu như Hợp đồng kinh tế, biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng với Công ty TNHH Toàn Thắng Đ để hợp thức hóa việc bán hóa đơn, không phát sinh giao dịch mua bán hàng hóa thực tế với Công ty TNHH Toàn Thắng Đ, số tiền thu được từ việc bán 04 hóa đơn trên là khoảng 212.784.000 đồng, số tiền này được bà V sử dụng để mua 04 hóa đơn GTGT Hóa đơn số 0000259 ngày 04/01/2019, Hóa đơn số 0000433 ngày 02/3/2019, Hóa đơn số 0000450 ngày 07/3/2019 và Hóa đơn số 0000522 ngày 29/3/2019 của Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Xây dựng H để hợp thức hóa đầu vào và kê khai khấu trừ thuế GTGT cho Công ty. Ngày 30/7/2022, bà V đã tự nguyện lập tờ khai điều chỉnh giảm đối với 04 hoá đơn GTGT trên và nộp lại số tiền thuế GTGT được khấu trừ là 213.086.172 đồng vào tài khoản của Kho

bạc nhà nước Phú Quốc - Kiên Giang trước khi Cơ quan thuế công bố quyết định thanh tra, kiểm tra, do đó Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với hành vi bán 04 hóa đơn GTGT của Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Xây dựng H theo lời khai của bà V, Cơ quan điều tra chưa xác định được người thành lập, điều hành hoạt động kinh doanh và bán hóa đơn cho bà V. Đồng thời, xét thấy hành vi trên có dấu hiệu mua bán hóa đơn trái phép, xảy ra tại thành phố Hồ Chí Minh, không thuộc thẩm quyền xử lý của Cơ quan điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột có văn bản trao đổi thông tin về doanh nghiệp có dấu hiệu vi phạm pháp luật về thuế, hóa đơn cho Chi cục Thuế quận 8, thành phố Hồ Chí Minh biết, xử lý theo thẩm quyền.

Đối với L là kế toán của Công ty Toàn Thắng Đ (không ký hợp đồng lao động), được bị can L chỉ đạo sử dụng hóa đơn GTGT số 0000028 ngày 31/3/2019, ký hiệu AA/18E, mã số bí mật MV775QT3QJ kê khai, hạch toán hàng hóa, chi phí đầu vào quý I/2019 của Công ty. Tuy nhiên, quá trình điều tra, đến nay chưa xác định được nhân thân, lai lịch của Liên, do đó Cơ quan điều tra tách ra để tiếp tục điều tra, làm rõ, xử lý theo quy định của pháp luật.

-Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận Phan Thị L đã nộp số tiền 273.980.000 đồng thuế giá trị gia tăng tại Chi cục thuế thành phố Buôn Ma Thuột

Buộc bà Phan Thị L tiếp tục thực hiện nộp số tiền 547.960.000 đồng thuế thu nhập doanh nghiệp cho Chi cục thuế thành phố Buôn Ma Thuột.

Bị cáo không tranh luận, bào chữa gì, thừa nhận hành vi phạm tội chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để có cơ hội sửa chữa lỗi lầm vì bị cáo có hoàn cảnh rất khó khăn, bị cáo đang phải chăm sóc con bị bệnh hiểm nghèo mà không có ai chăm sóc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Tp. Buôn Ma Thuột, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối chiếu lời khai của bị cáo Phan Thị L tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, vật chứng đã thu được; phù hợp với

các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm, diễn biến hành vi bị cáo đã thực hiện... nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do có ý thức coi thường pháp luật, coi thường trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước nên vào tháng 3/2019 trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, bị cáo Phan Thị L đã có hành vi sử dụng hóa đơn giá trị gia tăng không hợp pháp số 0000028, ký hiệu AA/18E, mã số bí mật MV775QT3QJ ngày 31/3/2019 để hạch toán hàng hóa mua vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm giảm số tiền thuế phải nộp, số tiền thuế trốn cụ thể như sau: Thuế giá trị gia tăng 273.980.000 đồng; Thuế thu nhập doanh nghiệp 547.960.000 đồng. Tổng số tiền trốn thuế là: 821.940.000 đồng.

Hành vi trên của Phan Thị L đã phạm vào tội “ Trốn thuế” .

Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ Luật hình sự.

Điều 200. Tội Trốn Thuế

1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây trốn thuế với số tiền từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc dưới 100.000.000 đồng, đã bị xử phạt hành chính về hành vi trốn thuế hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 188, 189, 190, 191, 192, 193, 194, 195, 196, 202, 248, 249, 250, 251, 252, 253, 254, 304, 305, 306, 309 và 311 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

d) Sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc làm tăng số tiền thuế được miễn, số tiền thuế được giảm hoặc tăng số tiền thuế được khấu trừ, số tiền thuế được hoàn;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 03 năm:

b) Số tiền trốn thuế từ 300.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;

Xét thấy, hành vi của bị cáo Phan Thị L là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội trực tiếp xâm phạm chính sách, quy định của Nhà nước về quản lý các loại thuế, xâm phạm tới lợi ích Nhà nước trong hoạt động thu thuế nộp ngân sách cho nhà nước. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nhận thức rõ hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội nên cần phải xử lý nghiêm minh và trừng trị, giáo dục bị cáo để góp phần răn đe đấu tranh phòng, chống các tội phạm xâm phạm về trật tự quản lý kinh tế

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo tỏ rõ sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tự nguyện khắc

phục hậu quả. Ngoài ra bị cáo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn một mình phải nuôi chăm sóc con gái bị bệnh hiểm nghèo mà không có ai chăm sóc thay. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự được áp dụng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng có nhiều tình tiết giảm nhẹ, ngoài lần phạm tội này không có lần phạm tội nào khác, không có tình tiết tăng nặng nên đủ điều kiện để cải tạo tại địa phương không cần cách ly bị cáo ra ngoài xã hội cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục, răn đe đối với bị cáo để trở thành công dân có ích cho xã hội.

*Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 4 Điều 200 Bộ luật hình sự: Phạt Phan Thị L số tiền 40.000.000 đồng sung công quỹ nhà nước là phù hợp.

*Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm c Khoản 2 và Điểm a Khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự Điều 585, Điều 591 Bộ luật dân sự.

Đối với 03 hóa đơn GTGT số 0000020, 0000022, 0000023 ngày 25/3/2019 do Công ty C xuất: Bà V thừa nhận không có giao dịch mua bán hàng hóa kèm theo 03 hóa đơn GTGT trên. Tuy nhiên, bị cáo L xác định Công ty Toàn Thắng Đ có giao khoán cho Công ty C thực hiện cung ứng hàng hóa thi công công trình Nhà máy điện Long Thành 1, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk. Sau đó, Công ty Toàn Thắng Đ giao số hàng hóa thể hiện trên 03 hóa đơn GTGT trên cho Công ty xây lắp điện số Năm và Công ty Hoàng Phúc Sài Gòn đối với Công trình Long Thành 1 nhưng không cung cấp được các chứng từ tài liệu chứng minh việc thực tế có phát sinh giao dịch mua bán hàng hóa theo lời khai trên. Ngoài lời khai thừa nhận của bà V thì không có bất cứ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc bà V bán 03 hóa đơn GTGT trên cho bị can Phan Thị L. Do đó, chưa đủ cơ sở xác định 03 hóa đơn GTGT trên là hóa đơn không hợp pháp, vì thế không có căn cứ xử lý hành vi mua bán hóa đơn GTGT của bị can L nhằm mục đích trốn thuế, cũng như xử lý bà V về hành vi mua bán trái phép hóa đơn GTGT, nên Cơ quan điều tra tách ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau. Ngoài ra, căn cứ theo Khoản 10, Điều 1, Thông tư số 26/2015/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Điều 15 của Thông tư 219/2013/TT-BTC, Bộ Tài Chính thì doanh nghiệp chỉ được khấu trừ thuế GTGT đầu vào khi các hóa đơn có giá trị 20 triệu trở lên có chứng từ thanh toán không sử dụng tiền mặt, tức là phải được chuyển khoản qua ngân hàng. Tuy nhiên, Công ty Toàn Thắng Đ chưa thanh toán số tiền ghi trên 03 hóa đơn GTGT nêu trên cho Công ty Cầu đường C và cũng không có tài liệu, chứng từ thanh toán không sử dụng tiền mặt theo quy định. Do đó, Cơ quan điều tra đã có Công văn trao đổi để Chi cục Thuế thành phố Buôn Ma Thuột biết, xử lý theo thẩm quyền là phù hợp.

Đối với ông Trần Đ, sinh năm 1954, thường trú tại: Thôn 13, xã Hòa Khánh, thành phố Buôn Ma Thuột, là thành viên góp vốn của Công ty Toàn Thắng Đ, quá trình thực hiện hành vi trốn Thuế, Phan Thị L không bàn bạc, thống nhất với ông Đ, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý trách nhiệm đối với ông Trần Đ là đúng quy định về điều kiện chịu trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại tại Điều 75 Bộ luật hình sự là phù hợp.

Đối với hành vi của bà Nguyễn Thị V: Bà V thừa nhận có hành vi bán 04 hóa đơn GTGT trên và lập, soạn thảo, ký khống các tài liệu như Hợp đồng kinh tế, biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng với Công ty TNHH Toàn Thắng Đ để hợp thức hóa việc bán hóa đơn, không phát sinh giao dịch mua bán hàng hóa thực tế với Công ty TNHH Toàn Thắng Đ, số tiền thu được từ việc bán 04 hóa đơn trên là khoảng 212.784.000 đồng, số tiền này được bà V sử dụng để mua 04 hóa đơn GTGT Hóa đơn số 0000259 ngày 04/01/2019, Hóa đơn số 0000433 ngày 02/3/2019, Hóa đơn số 0000450 ngày 07/3/2019 và Hóa đơn số 0000522 ngày 29/3/2019 của Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Xây dựng H để hợp thức hóa đầu vào và kê khai khấu trừ thuế GTGT cho Công ty. Ngày 30/7/2022, bà V đã tự nguyện lập tờ khai điều chỉnh giảm đối với 04 hoá đơn GTGT trên và nộp lại số tiền thuế GTGT được khấu trừ là 213.086.172 đồng vào tài khoản của Kho bạc nhà nước Phú Quốc - Kiên Giang trước khi Cơ quan thuế công bố quyết định thanh tra, kiểm tra, do đó Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với hành vi bán 04 hóa đơn GTGT của Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Xây dựng H theo lời khai của bà V, Cơ quan điều tra chưa xác định được người thành lập, điều hành hoạt động kinh doanh và bán hóa đơn cho bà V. Đồng thời, xét thấy hành vi trên có dấu hiệu mua bán hóa đơn trái phép, xảy ra tại thành phố Hồ Chí Minh, không thuộc thẩm quyền xử lý của Cơ quan điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột có văn bản trao đổi thông tin về doanh nghiệp có dấu hiệu vi phạm pháp luật về thuế, hóa đơn cho Chi cục Thuế quận 8, thành phố Hồ Chí Minh biết, xử lý theo thẩm quyền là phù hợp.

Đối với L là kế toán của Công ty Toàn Thắng Đ (không ký hợp đồng lao động), được bị cáo L chỉ đạo sử dụng hóa đơn GTGT số 0000028 ngày 31/3/2019, ký hiệu AA/18E, mã số bí mật MV775QT3QJ kê khai, hạch toán hàng hóa, chi phí đầu vào quý I/2019 của Công ty. Tuy nhiên, quá trình điều tra, đến nay chưa xác định được nhân thân, lai lịch của Liên, do đó Cơ quan điều tra tách ra để tiếp tục điều tra, làm rõ, xử lý theo quy định của pháp luật là phù hợp.

-Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận Phan Thị L đã nộp số tiền 273.980.000 đồng thuế giá trị gia tăng tại Chi cục thuế thành phố Buôn Ma Thuột

Buộc bị cáo Phan Thị L tiếp tục thực hiện nộp số tiền 547.960.000 đồng thuế thu nhập doanh nghiệp cho Chi cục thuế thành phố Buôn Ma Thuột.

[3]. Căn cứ Điều 21, Điều 22 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án bị cáo Phạm Ba Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 200, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Phan Thị L phạm tội “ Trốn thuế”.

Xử phạt: Bị cáo Phan Thị L: 02(Hai) năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 04 năm 06 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Phan Thị L cho Ủy ban nhân dân phường Tụ An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Giao bị cáo Phan Thị L có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Bị cáo Phan Thị L phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự.

*Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 4 Điều 200 Bộ luật hình sự: Phạt Phan Thị L số tiền 40.000.000 đồng sung công quỹ nhà nước.

-Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Phan Thị L tiếp tục thực hiện nộp số tiền 547.960.000 đồng thuế thu nhập doanh nghiệp cho Chi cục thuế thành phố Buôn Ma Thuột.

-Về án phí: Bị cáo Phan Thị L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

-Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 – TAND TC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- Thi hành án phạt tù (để thi hành);
- Chi cục THADS Tp. Buôn Ma Thuột;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo
- Đảng ủy P. Tụ An
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

(Đã ký)

Phạm Văn Vĩ